Chi tiết mã HS 7102.10.00

Mã HS	7102.10.00
Mô tả hàng hóa	Kim cương, đã hoặc chưa được gia công, nhưng chưa được gắn hoặc nạm dát / - Kim cương chưa được phân loại
Đơn vị	carat
Thời điểm tạo	08/11/2026 09:56:38
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/71021000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	1.5	1,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10653
Thuế NK ưu đãi (MFN)	1	1%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10653
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q10653
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	15/5	15 / 5 (nhiều mức)	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10653
Thuế XK ưu đãi CPTPP	2,7/5; M: 4/5	2,7/5; M: 4/5	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM10653
Thuế XK ưu đãi EVFTA	5,4/5	5,4 / 5 (nhiều mức)	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP10653
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	5,4/5	5,4 / 5 (nhiều mức)	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS10653

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0.7	0,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10101
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10052
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10052
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10052
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10052
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10052
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10052
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10104
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10104

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10104
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10104
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10104
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10104
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10105
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10105
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10105
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10105
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10105
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10105
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10106
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10058
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10064
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10064
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10064
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10064
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10064
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10064
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10089
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10089
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10089
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10089
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10089
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10089
VCFTA	2022	2022	1	VC!D10142
VCFTA	2023	2023	1	VC!E10142

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10142
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10142
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10142
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10142
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10127
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10127
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10127
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10127
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10127
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10127
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10127
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10127
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10127
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10127
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10127
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10127
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10144
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10144
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10144
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10144
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10144
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10144
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10143
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10143
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10143
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10143

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10143
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10143
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10084
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10084
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10084
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10084
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10084
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10084
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10084
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10121
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10121
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10121
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10121
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10121
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10121
RCEP B	2022	2022	0	B!D10121
RCEP B	2023	2023	0	B!E10121
RCEP B	2024	2024	0	B!F10121
RCEP B	2025	2025	0	B!G10121
RCEP B	2026	2026	0	B!H10121
RCEP B	2027	2027	0	B!I10121
RCEP C	2022	2022	0	C!D10121
RCEP C	2023	2023	0	C!E10121
RCEP C	2024	2024	0	C!F10121
RCEP C	2025	2025	0	C!G10121
RCEP C	2026	2026	0	C!H10121

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10121
RCEP D	2022	2022	0	D!D10120
RCEP D	2023	2023	0	D!E10120
RCEP D	2024	2024	0	D!F10120
RCEP D	2025	2025	0	D!G10120
RCEP D	2026	2026	0	D!H10120
RCEP D	2027	2027	0	D!I10120
RCEP E	2022	2022	0	E!D10124
RCEP E	2023	2023	0	E!E10124
RCEP E	2024	2024	0	E!F10124
RCEP E	2025	2025	0	E!G10124
RCEP E	2026	2026	0	E!H10124
RCEP E	2027	2027	0	E!I10124
RCEP F	2022	2022	0	F!D10121
RCEP F	2023	2023	0	F!E10121
RCEP F	2024	2024	0	F!F10121
RCEP F	2025	2025	0	F!G10121
RCEP F	2026	2026	0	F!H10121
RCEP F	2027	2027	0	F!I10121
VIFTA	2024	2024	0.9	VI!F9361
VIFTA	2025	2025	0.8	VI!G9361
VIFTA	2026	2026	0.7	VI!H9361
VIFTA	2027	2027	0.6	VI!I9361

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Kim cương thô (41/2019/TT-BCT)		41/2019/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Đá quí và đá bán quí, kim cương, và các loại đá khác > Kim cương (trừ kim cương công nghiệp). Gồm kim cương chưa được phân loại hoặc mới chỉ được cắt, tách một cách đơn giản hay mới chỉ được chuốt hoặc mài sơ qua (Tham chiếu mã HS 8 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7102.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 1% của mã 7102.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10653), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)
Kim cương thô (41/2019/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.